

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH ĐỒNG THÁP Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 92/2019/HS-PT

Ngày: 25-3-2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Nước

*Các thẩm phán:* Ông Ngô Tấn Lợi

Ông Đinh Chí Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trãi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 68/2019/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo T.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

T, sinh năm: 1969, tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; *Nơi cư trú:* ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; *Nghề nghiệp:* Làm thuê; *Trình độ học vấn:* 3/12; *Giới tính:* Nam; *Quốc tịch:* Việt Nam; *Dân tộc:* Kinh; *Tôn giáo:* Hòa hảo; *Con ông:* T1, sinh năm: 1954 (chết) và bà: T2, sinh năm: 1953; *Có vợ:* K, sinh năm: 1974 (Hiện không còn sống chung), và 01 người con: H, sinh năm: 1998; *Tiền án, Tiền sự:* Chưa có; *Tạm giữ:* ngày 16-10-2018; *Tạm giam:* ngày 25-10-2018, hiện tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư T3, cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Chi nhánh số 02;

*Ngoài ra đại diện hợp pháp của bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 12-10-2018, tại khu vực nhà bếp của ông Nguyễn Văn Đ thuộc ấp P, xã P, huyện H - bị cáo T và ông Nguyễn Văn Đ tổ chức uống rượu, sau đó có anh T4 đến uống rượu chung. Đến khoảng 11 giờ thì nghỉ uống rượu, anh T4 về nhà, bị cáo T và ông Đ cùng nấu cơm ăn xong rồi nằm nghỉ; khoảng 12 giờ 30 phút bị cáo T và ông Đ tiếp tục uống rượu cũng tại nhà bếp của ông Đ, đến khoảng 15 giờ 30 phút thì nghỉ uống, sau đó ông Đ đi tắm, xong nằm nghỉ tại nhà, còn bị cáo T thì đi chơi lô tô ở gần đó, đến khoảng 19 giờ bị cáo T trở lại và cùng với ông Đ tiếp tục uống rượu cũng tại nhà bếp ông Đ, trong khi uống rượu lần này giữa ông Đ và bị cáo T phát sinh mâu thuẫn cự cãi nhau, do ông Đ nói với bị cáo T “mày già mẹ mày cho tao đi”, lúc này hai người ngồi đối diện nhau, bị cáo T nhóm người đứng lên, chân phải bước tới, tay phải chỉ vào mặt ông Đ, còn tay trái cầm cái ghế gỗ (bị cáo đang ngồi) đánh 01 cái tạc ngang từ trên xuống trúng vào vùng trán bên phải của ông Đ làm chảy máu, thấy vậy bị cáo T đi ra phía sau bếp lấy bột ngọt cầm máu cho ông Đ, rồi cả hai nghỉ uống rượu và ngủ chung mừng tại nhà ông Đ. Đến ngày 15-10-2018 gia đình thấy ông Đ có biểu hiện đau đầu nên đưa đến Bệnh viện đa khoa khu vực H điều trị, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp tiếp tục điều trị, đến 13 giờ ngày 16-10-2018 ông Đ chết.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 751/KL-KTHS ngày 25-10-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: Đa chấn thương nhiều vùng trên cơ thể; Nứt xương sọ vùng lưỡng đỉnh-chẩm; Dập và xuất huyết toàn bộ bán cầu đại não bên phải; Có cục máu đông chèn ép vùng não phải lệch sang trái. Nguyễn Văn Đ bị vật tày tác động trực tiếp vào đầu làm nứt xương sọ, dập và xuất huyết não là nguyên nhân gây tử vong.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 758/KL-KTHS ngày 31-10-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Mẫu máu chứa trong ống kim tiêm, ghi thu của tử thi Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1954 được thu trong quá trình khám nghiệm tử thi lúc 14 giờ 30 phút đến 16 giờ ngày 16-10-2018 tại ấp Phú Lợi B, xã Phú Thuận B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, tại thời điểm giám định ngày 25-10-2018 không phát hiện thành phần cồn (Ethanol).

Tại bản kết luận giám định pháp y về hóa pháp số: 364/368/437/2018/HP ngày 24-10-2018 của Phân viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trong mẫu phủ tạng vụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954, do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Đồng Tháp gửi đến giám định ngày 18-10-2018 không tìm thấy các chất độc thường gặp kể trên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về mô bệnh học số: 172/18/MPH ngày 05-11-2018 của Phân viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Nguyễn Văn Đ bị tổn thương sung huyết, xuất huyết, tụ máu trong não; thiếu dưỡng cơ tim cấp; sung huyết và phù phổi cấp; sung huyết gan, thận, dạ dày và lá lách.

\* *Vật chứng thu giữ được*: 02 cái ghế ngồi bằng gỗ (loại thấp), cụ thể: 01 cái chiều dài 41cm, chiều rộng 15,8cm, cân nặng 1,40kg (tại thời điểm thu giữ); 01 cái chiều dài 40,8cm, chiều rộng 16,6cm, cân nặng 1,46kg (tại thời điểm thu giữ).

Tại Bản cáo trạng số: 28/CT-VKSHN ngày 28-11-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo T, về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo T, từ 08 năm đến 09 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 591 Bộ luật dân sự chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo T với bà Tiết, buộc bị cáo T phải bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Văn Đ với số tiền tổng cộng là 33.974.000 đồng; Về vật chứng: Do tại phiên tòa bà T5 (vợ của bị hại Đ) không yêu cầu nhận lại 02 cái ghế mà giao cho pháp luật xử lý, nên căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 cái ghế ngồi bằng gỗ, chiều dài 41cm, chiều rộng 15,8cm, cân nặng 1,40kg; 01 cái ghế bằng gỗ, chiều dài 40,8cm, chiều rộng 16,6cm, cân nặng 1,46kg

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2019/HSST ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015; Các điều 30, 106, 136, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 591 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí.

- Tuyên bố: Bị cáo T, phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo T: 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 16-10-2018

*Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ chăm thi hành án, hướng dẫn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.*

Ngày 14 tháng 01 năm 2019, bị cáo T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu: Xét mức án của Tòa án cấp sơ thẩm xử 07 năm tù là thỏa đáng, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp tài liệu, chứng cứ giảm nhẹ nào mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Phi Tùng trình bày: Các tình tiết giảm nhẹ Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chưa đầy: Bị cáo là người nghiện rượu dẫn đến bị cáo có bệnh lý về rượu nên khi nghe ông Đ nói “mày gã mẹ mày cho tao đi” thì bị cáo không kiềm chế được hành động; bị cáo và bị hại rất thân thích nhau; sau khi bị cáo hay bị hại chết thì bị cáo đến công an trình diện; gia đình bị cáo quá nghèo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm sớm hòa nhập cộng đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời trình bày của luật sư bào chữa, lời khai bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo T dùng cái ghế bằng gỗ đánh trực tiếp vào vùng đầu trúng trán bên phải của ông Đ, mặt dù ý thức của bị cáo T là giằng mặt, chứ không muốn tước đoạt tính mạng của ông Đ, nhưng với vết thương do bị cáo gây ra đã làm nứt sọ, dập và xuất huyết não dẫn đến ông Đ chết sau đó (theo kết luận số 751/KL-KTHS ngày 25-10-2018 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Đồng Tháp), và tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận ông Đ chết do bị cáo T thực hiện hành vi như nêu trên, không có nguyên nhân nào khác. Hành vi của bị cáo đã vi phạm vào tội “Cố ý gây thương

tích” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi mà mình gây ra.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và đã cân nhắc, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, tại phiên tòa bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Đối với án phí hình sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo nộp 200.000 đồng là không đúng quy định tại Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần sửa lại phần án phí hình sự.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không phù hợp nên không chấp nhận.

[6] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do bị cáo là hộ cận nghèo.

Các phần còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, b, khoản 1 Điều 355 và Điều 361 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T. Giữ nguyên Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Tuyên bố: Bị cáo T, phạm tội “ *Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo T: 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 16-10-2018.

Áp dụng Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm do bị cáo là hộ cận nghèo.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do bị cáo là hộ cận nghèo.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện H;
- Chi cục thi hành án huyện H;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện H;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo; Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Trãi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**đã ký**

**Lê Hồng Nước**